

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày 19 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Minh Chánh và ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo H; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; con ông Trần Văn S, sinh năm 1935 và bà Cao Thị Q, sinh năm 1935; có chồng ông Lê Phước Đ, sinh năm 1976; Con: 03 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người đại diện hợp pháp bị hại Lê Nguyễn D, sinh năm 2010 (đã chết): Ông Lê Văn L1, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985. Cùng nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Phước T, sinh ngày 28/6/2008. Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện hợp pháp Lê Phước T: Ông Lê Phước Đ, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

+ Anh Huỳnh Văn Trọng P, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Tổ B, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Các ông/bà: Nguyễn Văn C, Ngô Văn N1, Lê Văn K

(vắng mặt) và Lê Văn Đ1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8 năm 2023, Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang mua xe gắn máy biển số 67AF-071.78, giao cho con ruột là Lê Phước T sinh ngày 28/6/2008 quản lý và sử dụng, trong khi L biết rõ T chưa đủ tuổi điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ. Ngày 23/02/2024, T (được 15 tuổi 07 tháng 26 ngày) điều khiển xe gắn máy chở theo Lê Nguyễn Duy sinh ngày 17/02/2010 ngồi phía sau, lưu thông trên tỉnh lộ 947 theo hướng xã B ra Quốc lộ I, khi đến khu vực ấp B, xã B, huyện C do không làm chủ tay lái nên đụng vào trụ điện bên lề phải theo hướng xe chạy, làm T và Duy ngã xuống đường bị thương nặng, được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C cấp cứu, nhưng D đã tử vong. Riêng T được đưa đến Bệnh viện Đ2 điều trị đến ngày 18/3/2024 thì xuất viện về nhà.

Ngày 04/7/2024, Trần Thị Cẩm L bị khởi tố, điều tra.

* Căn cứ Bản kết luận giám định tử thi số 263//KL-KTHS ngày 24/02/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận: Lê Nguyễn D, sinh năm 2010; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

1. Các kết quả chính:

- Bầm máu vùng ngực phải, kích thước 6x6 cm.
- Gãy kín 1/3 giữa xương đùi trái.
- Rách màng ngoài tim. Khoang màng ngoài tim có ít máu loãng. Vỡ tiểu nhĩ phải.
- Khoang màng phổi phải có khoảng 500ml máu loãng.
- Dập toàn bộ phổi phải. Khoang màng phổi trái có khoảng 1000ml máu loãng. Dập rải rác phổi trái.
- Ổ bụng có khoảng 500ml máu loãng.
- Vỡ phức tạp gan phải.

2. Kết luận: Nguyên nhân chết: Đa chấn thương, mất máu cấp.

* Căn cứ bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 608/24/KLTTCT-TTPY ngày 24/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Lê Phước T, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Chấn thương cánh tay phải, gây:
 - + Gãy kín 1/3 giữa xương cánh tay phải, đã phẫu thuật kết hợp xương. Tỷ lệ là 15% (mười lăm phần trăm).

+ Sẹo mổ mắt trước 1/3 giữa cánh tay phải, kích thước (11 x 1.5) cm. Tỷ lệ là 03% (không ba phần trăm).

Tỷ lệ là 18% (mười tám phần trăm)

- Chấn thương vùng vai phải, gây gãy kín mỏm cùng vai phải, điều trị bảo tồn, tỷ lệ là 06% (không sáu phần trăm).

- Sây sát da dạng mảng dùng gai chấu trước trên bên phải để lại sẹo, kích thước (02 x 0.7) cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

- Chấn thương đùi trái, gây:

+ Gãy 1/3 trên xương đùi trái, đã phẫu thuật kết hợp xương. Tỷ lệ 25% (hai mươi lăm phần trăm).

+ Sẹo mổ mắt ngoài 1/3 trên đến 1/3 giữa đùi trái, kích thước (18 x 1.3) cm. Tỷ lệ 03% (không ba phần trăm).

+ 02 (hai) sẹo mổ mắt trước ngoài 1/3 dưới đùi trái:

Vết 01: kích thước (2.7 x 0.3)cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

Vết 02: kích thước (2.7 x 0.5)cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

Tỷ lệ là 29% (hai mươi chín phần trăm).

- Sẹo mổ mắt trước 1/3 giữa đùi trái, kích thước (02 x 01) cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

- Sẹo không liên tục mặt trong 1/3 giữa đùi trái, kích thước (6.5 x 0.8) cm. Tỷ lệ là 03% (không ba phần trăm).

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả các thương tích gây nên của Lê Phước T, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 48% (bốn mươi tám phần trăm).

- Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên do va đập mạnh vào vật tày cứng gây nên.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C thu giữ: 01 xe gắn máy và 01 giấy chứng nhận biển số 67AF-071.78.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Nguyễn D (đã chết) là ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N trình bày: Lê Nguyễn D, sinh năm 2010 là con ruột của chúng tôi, còn Lê Phước T là cháu họ, bà ngoại của chúng tôi và ông nội của bị cáo L là anh em ruột. Nay yêu cầu bị cáo và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ phải bồi thường chi phí mai táng số tiền 20.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê

Văn L1 và bà Nguyễn Thị N chỉ yêu cầu bị cáo và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ phải bồi thường chi phí mai táng số tiền 20.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng (giảm số tiền 20.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Lê Phước T trình bày: Tháng 8 năm 2023, mẹ ruột Trần Thị Cẩm L mua xe gắn máy biển số 67AF-071.78 và giao cho Lê Phước T sinh ngày 28/6/2008 quản lý và sử dụng để đi học ở trường cấp 3 thuộc xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Khi vào học lớp 10 được một tuần thì T nghỉ học và tiếp tục quản lý và sử dụng xe. Ngày 23/02/2024, T điều khiển xe gắn máy chở theo Lê Nguyễn Duy sinh ngày 17/02/2010 ngồi phía sau, lưu thông trên tỉnh lộ 947 theo hướng xã B ra Quốc lộ I, khi đến khu vực ấp B, xã B, huyện C do không làm chủ tay lái nên đụng vào trụ điện bên lề phải theo hướng xe chạy, làm T và Duy ngã xuống đường bị thương nặng, được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C cấp cứu, nhưng D đã tử vong. Riêng T được đưa đến Bệnh viện Đ2 điều trị đến ngày 18/3/2024 thì xuất viện về nhà.

- Huỳnh Văn Trọng P trình bày: Xe gắn máy biển số 67AF-071.78 do P mua và đứng tên chủ sở hữu. Năm 2023, đã bán lại cho người khác, P không yêu cầu gì.

Người làm chứng các ông Nguyễn Văn C, Ngô Văn N1, Lê Văn K, Lê Văn Đ1 trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị Cẩm L khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận giám định; các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 84/CT-VKSCP ngày 17/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang truy tố Trần Thị Cẩm L về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về thủ tục điều tra, truy tố: Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, bị cáo nhận tội.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt theo Cáo trạng truy tố; căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Thị Cẩm L 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”. Trong thời gian chấp

hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 136; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Thị Cẩm L và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do bị cáo Trần Thị Cẩm L đã nộp theo biên lai thu số 0003022 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang) để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa: Bị cáo L thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo L không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và rất hối hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện đi làm chăm lo cho gia đình và bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang, hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.3] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra, nên việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Trần Thị Cẩm L là người đã thành niên, thừa hiểu và cũng ý thức được rằng hành vi giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ để xảy ra tai nạn làm chết người là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng bị cáo vẫn giao cho con ruột là Lê Phước T sinh ngày 28/6/2008 quản lý và sử dụng, trong khi L biết rõ T là người dưới 16 tuổi, không giấy phép lái xe theo quy định. Ngày 23/02/2024, T điều khiển xe gắn máy chở theo Lê Nguyễn Duy sinh ngày 17/02/2010 ngồi phía sau, lưu thông trên tỉnh lộ 947 theo hướng xã B ra Quốc lộ I, khi đến khu vực ấp B, xã B, huyện C do không làm chủ tay lái nên đụng vào trụ điện bên lề phải theo hướng xe chạy, làm T và Duy ngã xuống đường bị thương nặng, được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C cấp cứu, nhưng D đã tử vong. Riêng T được đưa đến Bệnh viện Đ2 điều trị đến ngày 18/3/2024 thì xuất viện về nhà.

Hành vi của bị cáo Trần Thị Cẩm L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú đã truy tố bị cáo Trần Thị Cẩm L về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 264 Bộ luật Hình sự quy định: Tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”

1. Người nào giao cho người mà biết rõ người đó không có giấy phép lái xe hoặc đang trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy, chất kích thích

mạnh khác hoặc không đủ các điều kiện khác theo quy định của pháp luật điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

a) Làm chết người;

2....;

3....;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Đây là vụ án ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện với lỗi vô ý xâm phạm đến trật tự công cộng, tính mạng và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Lẽ ra, khi biết T chưa đủ tuổi để điều khiển xe gắn máy thì bị cáo không được đưa cho T tự quản lý và sử dụng xe gắn máy. Nhưng bị cáo giao xe cho T quản lý và sử dụng dẫn đến ngày 23/02/2024 T điều khiển xe chở theo Lê Nguyễn D gây tai nạn. Do đó, xét về yếu tố lỗi trong vụ án này hoàn toàn thuộc về bị cáo, bị cáo giao xe không tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn giao thông đường bộ, không đảm bảo an toàn cho người khác.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc thành phần lao động nghèo, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để khắc phục một phần hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng có xem xét áp dụng các tình tiết để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo L có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại, bị cáo chấp hành tốt pháp luật, không có hành vi vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 Hội đồng xét xử không cần thiết cách ly bị cáo để giáo dục, có thể áp dụng cải tạo không giam giữ theo khung điều luật của Bộ luật hình sự nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo. Giao bị cáo Trần Thị Cẩm L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

[2.4] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 264 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là lao động có thu nhập thấp, không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[2.5] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N chỉ yêu cầu bị cáo và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ phải bồi thường chi phí mai táng số tiền 20.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng (giảm số tiền 20.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng. Bị cáo và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ đồng ý liên đới bồi thường các khoản tiền do người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tổng cộng là 50.000.000 đồng. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo, sự tự nguyện này là phù hợp, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên theo quy định tại Điều 584; Điều 585; Điều 590 của Bộ luật dân sự; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Số tiền bị cáo và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

[3] *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp*:

Đối với 01 xe gắn máy và 01 giấy chứng nhận xe biển số 67AF-071.78 mặc dù do Huỳnh Văn Trọng P mua và đứng tên chủ sở hữu nhưng đến năm 2023 đã bán lại cho người khác, P không yêu cầu gì; thuộc quyền sở hữu của bị cáo nên tiếp tục trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với Lê Phước T chỉ bị thương tích 48%, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, không truy cứu thêm trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị Cẩm L là phù hợp.

Đối với Lê Phước T có hành vi điều khiển xe gắn máy gây tai nạn làm Lê Nguyễn D tử vong. Hành vi của T đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về

tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội T được 15 tuổi 07 tháng 26 ngày là chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và có công văn chuyển Đội Cảnh sát giao thông, trật tự-Công an huyện C xử lý hành chính là phù hợp.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người đại diện hợp pháp của của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Cẩm L phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Cẩm L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo Trần Thị Cẩm L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584; Điều 585 và Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Thị Cẩm L và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn L1 và bà Nguyễn Thị N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do bị cáo Trần Thị Cẩm L đã nộp theo biên lai thu số 0003022 ngày 07 tháng 11 năm

2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106, Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Trần Thị Cẩm L 01 xe gắn máy biển số 67AF-071.78, số máy 391MB7388075, số khung BFBELA388075, xe do dấu vết mang tai nạn giao thông; Một giấy chứng nhận đăng ký xe gắn máy biển số 67AF-071.78, số 065616 do Công an huyện A cấp ngày 22/12/2020 cho Huỳnh Văn Trọng P.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Cẩm L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Cẩm L và người đại diện hợp pháp của Lê Phước T là ông Lê Phước Đ phải liên đới chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Nhà Tạm giữ - Công an Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Việt Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Nguyễn Ngọc Bờ
Chánh**

Mai Minh

Nguyễn Võ Việt Nam

